

PHỤ LỤC
MẪU 1. BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCVN
ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN CHĂN NUÔI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ: Khai thác và phát triển nguồn gen lợn Hương

- Mã số: NVNG-2016/08

- Thuộc chương trình: Nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen

2. Mục tiêu nhiệm vụ

- Tạo được đàn hạt nhân lợn Hương với quy mô 60 nái và 6 đực.

- Tạo được đàn sản xuất lợn Hương với quy mô 150 nái và 15-20 đực.

- Xây dựng được 04 mô hình liên hộ nuôi lợn Hương thương phẩm với quy mô 50-100 con/mô hình.

- Xây dựng được quy trình chọn đàn hạt nhân, quy trình chăn nuôi lợn Hương sinh sản và thương phẩm.

- Xây dựng được tiêu chuẩn cơ sở đàn hạt nhân, đàn sản xuất và đàn thương phẩm lợn Hương.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ

- Họ và tên: Phạm Hải Ninh

- Ngày, tháng, năm sinh: 22/3/1984 Nam/ Nữ: Nam

- Học hàm, học vị: Thạc sỹ chăn nuôi

- Chức danh khoa học: Nghiên cứu viên

- Chức vụ: Phó trưởng Bộ môn Động vật quý hiếm và Đa dạng sinh học, Viện Chăn nuôi



- Điện thoại:

+ Cơ quan: 0243 8389 267 Mobile: 0988 397 223

+ Fax: 0243 9389 775

- E-mail: phamhaininh_vcn@yahoo.com

- Tên tổ chức đang công tác: Bộ môn Động vật quý hiếm và Đa dạng sinh học,
Viện Chăn nuôi

- Địa chỉ tổ chức: Số 9 Tân Phong, P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

- Địa chỉ nhà riêng: Số 4 tổ 25 cụm 4 phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ

- Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Chăn nuôi

- Điện thoại: 0243 8389 267 / 0243 8385 022 Fax: 0243 8389 775

- E-mail: phongkhoahocvcn@gmail.com

- Địa chỉ: Số 9 Tân Phong, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

- Họ và tên thủ trưởng tổ chức: TS. Phạm Công Thiều

- Số tài khoản: 3713.0.1052533

- Tại Kho bạc Nhà nước quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

- Tên cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

5. Tổng số kinh phí thực hiện: 4.800,00 tr.đ, trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ từ SNKH: 4.200,00 tr.đ.

- Kinh phí từ các nguồn khác: 600,00 tr.đ.

6. Thời gian thực hiện theo hợp đồng KHHCN:

- Theo Hợp đồng đã ký kết: từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 8 năm 2020

- Thực tế thực hiện: từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 8 năm 2021

- Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền: Quyết định số 2375/QĐ-BKHHCN ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đồng ý gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ quỹ gen “Khai thác và phát triển nguồn gen lợn Hương” mã số NVQG 2016/08 đến hết tháng 8 năm 2021.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Đơn vị công tác
1.	Phạm Hải Ninh	Nghiên cứu viên, thạc sỹ chăn nuôi	Bộ môn Động vật quý hiếm và ĐDSH, Viện Chăn nuôi
2.	Nguyễn Quyết Thắng	Nghiên cứu viên, thạc sỹ chăn nuôi	Bộ môn Động vật quý hiếm và ĐDSH, Viện Chăn nuôi
3.	Nguyễn Công Định	Nghiên cứu viên chính, tiến sỹ	Bộ môn Động vật quý hiếm và ĐDSH, Viện Chăn nuôi
4.	Đặng Vũ Hòa	Nghiên cứu viên chính, tiến sỹ	Bộ môn NC Hệ thống và MT chăn nuôi, Viện Chăn nuôi
5.	Nguyễn Khắc Khánh	Nghiên cứu viên, thạc sỹ chăn nuôi	Bộ môn Động vật quý hiếm và ĐDSH, Viện Chăn nuôi
6.	Nhữ Văn Thụ	Nghiên cứu viên chính, tiến sỹ	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc
7.	Đàm Đức Phúc	Kỹ sư chăn nuôi	Trung tâm Khuyến nông và Giống nông nghiệp Cao Bằng
8.	Đình Ngọc Lợi	Thạc sỹ chăn nuôi	Công ty Khai thác khoáng sản Thiên Thuận Tường

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1.	Đàn lợn Hương hạt nhân		x			x			x	
2.	Đàn lợn Hương sản xuất		x			x			x	
3.	Đàn lợn Hương thương phẩm		x			x			x	

4.	Báo cáo đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của lợn Hương		x			x			x
5.	Tiêu chuẩn cơ sở đàn hạt nhân lợn Hương		x			x			x
6.	Tiêu chuẩn cơ sở đàn sản xuất lợn Hương		x			x			x
7.	Tiêu chuẩn cơ sở đàn thương phẩm lợn Hương		x			x			x
8.	Quy trình chọn đàn hạt nhân lợn Hương		x			x			x
9.	Quy trình chăn nuôi lợn Hương sinh sản		x			x			x
10.	Quy trình chăn nuôi lợn Hương thương phẩm		x			x			x
11.	Báo cáo đánh giá năng suất thân thịt và chất lượng thịt lợn Hương		x			x			x
12.	Báo cáo đánh giá hiện trạng tình hình chăn nuôi lợn Hương		x			x			x
13.	Bài báo		x			x			x

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1.	Đàn lợn Hương hạt nhân	Từ 9/2021	Trung tâm Khuyến nông và Giống Cao Bằng, công ty Thiên Thuận Tường, công ty Trang Ninh, phòng Nông nghiệp huyện Hòa	
2.	Đàn lợn Hương sản xuất	Từ 9/2021		
3.	Quy trình chọn đàn hạt nhân lợn Hương	Từ 9/2021		

4.	Quy trình chăn nuôi lợn Hương sinh sản	Từ 9/2021	An, Trà Lĩnh, công ty DaBaCo .v.v.	
5.	Quy trình chăn nuôi lợn Hương thương phẩm	Từ 9/2021		

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				
2				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ

Nhiệm vụ đã đưa ra được các giải pháp khoa học để phát triển chăn nuôi lợn bản địa nói chung và lợn Hương nói riêng như chọn lọc và xây dựng đàn lợn Hương hạt nhân và sản xuất, xác định phương thức nuôi và các mức năng lượng, protein thích hợp trong khẩu phần nuôi lợn Hương sinh sản và thương phẩm, chế độ chăm sóc nuôi dưỡng và thú y phòng bệnh cho lợn Hương sinh sản và thương phẩm .v.v. Mô hình chăn nuôi lợn Hương thương phẩm được áp dụng và nhân rộng trong địa bàn tỉnh Cao Bằng, Quảng Ninh và các tỉnh lân cận.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ

3.1. Hiệu quả kinh tế

- Việc xây dựng được đàn hạt nhân lợn Hương thuần để sản xuất con giống cung cấp cho người chăn nuôi tại Cao Bằng, Quảng Ninh, Hà Nội .v.v. và các tỉnh lân cận, thông qua đó sẽ bảo tồn lâu dài và phát triển bền vững nguồn gen lợn Hương.

- Đàn lợn Hương trước khi được chọn lọc có các chỉ tiêu kỹ thuật đạt thấp như số con sơ sinh sống đạt 7,93 – 8,60 con; số con cai sữa đạt 7,31 – 8,13 con; số lứa đẻ/nái/năm đạt 1,87 – 1,92 lứa. Kết quả nghiên cứu sau chọn lọc cho thấy số con sơ sinh sống đạt 8,75 con tăng 1,74 – 10,34%; số con cai sữa đạt 8,32 con tăng 2,34 – 13,82%; số lứa đẻ/nái/năm đạt 1,94 lứa tăng 1,04 – 3,74% so với đàn lợn trước khi chọn lọc. Từ đó nâng cao được năng suất sinh sản và mang lại hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

- Các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu không phải đầu tư cho nghiên cứu cơ bản nhưng lại được thừa hưởng lợi ích từ kết quả nghiên cứu. Vì vậy lợi

nhuận thu được trong sản xuất kinh doanh sẽ nhiều hơn và đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.

3.2. Hiệu quả xã hội

- Tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Cao Bằng, Quảng Ninh nói riêng và các tỉnh miền núi nói chung, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội về nguồn thực phẩm sạch.

- Kết quả nghiên cứu có tác động mạnh đến sự phát triển, tăng trưởng kinh tế của đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa, làm thay đổi cách nghĩ nếp làm, hạn chế nạn chặt phá rừng, góp phần bảo vệ sự đa dạng sinh học và môi trường sinh thái.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

ThS. Phạm Hải Ninh

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
VIỆN TRƯỞNG



Phạm Công Thiệu